

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP BAF
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2022/CBTT-BAF

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM.**

- Mã chứng khoán: BAF

- Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: 0766 074 787

- E-mail: Congbothongtin@baf.vn

2. Nội dung thông tin công bố : *Công bố Báo cáo tài chính Quý II năm 2022 (Chi tiết xem trong file gửi kèm).*

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/7/2022 tại đường dẫn <http://baf.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính Quý II- 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

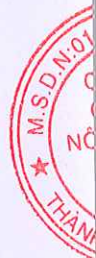
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.350.518.388.125	4.310.728.812.243
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	306.275.654.822	290.885.247.960
1. Tiền	111		249.725.654.822	265.635.247.960
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.550.000.000	25.250.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	-	57.182.666.667
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	65.097.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(7.914.833.333)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.582.319.486.332	2.863.419.419.902
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.012.407.525.705	2.714.759.937.080
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	471.679.648.219	115.690.518.984
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	98.144.661.156	32.882.305.836
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		87.651.252	86.658.002
IV. Hàng tồn kho	140		1.448.865.157.374	1.087.718.158.115
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.448.865.157.374	1.087.718.158.115
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.058.089.597	11.523.319.599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.501.959.735	7.639.774.596
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.502.374.677	3.829.789.818
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	53.755.185	53.755.185
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.505.595.712.723	1.146.517.198.200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		99.271.515.961	99.020.809.256
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	17.361.515.961	17.110.809.256
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	81.910.000.000	81.910.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		732.621.026.038	541.169.343.321
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	525.196.714.187	359.554.248.281
<i>Nguyên giá</i>	222		627.675.960.019	447.766.157.987
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(102.479.245.832)	(88.211.909.706)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	207.424.311.851	181.615.095.040
<i>Nguyên giá</i>	228		211.857.871.376	182.203.026.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.433.559.525)	(587.930.960)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	14.781.379.666	14.912.916.682
<i>Nguyên giá</i>	231		15.175.990.712	15.175.990.712
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(394.611.046)	(263.074.030)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		258.403.962.719	248.201.967.791
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	258.403.962.719	248.201.967.791
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	43.530.416.281	63.274.638.996
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		43.530.416.281	63.274.638.996
VI. Tài sản dài hạn khác	260		356.987.412.058	179.937.522.154
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	350.855.290.880	175.676.820.790
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	2.104.247.183	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.9	4.027.873.995	4.260.701.364
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.856.114.100.848	5.457.246.010.443

07798
HỘI ĐỒNG
CỔ PHẦN
CÔNG TY
BA
VIỆT N
PHỐ H

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.273.159.713.031	4.002.427.538.977
I. Nợ ngắn hạn	310		2.957.496.500.961	3.851.377.414.740
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	2.679.755.378.276	3.774.329.848.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	94.500.331.195	1.446.549.834
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	39.437.624.041	14.522.587.250
4. Phải trả người lao động	314		10.146.687.152	9.600.905.410
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.629.908.235	2.548.750.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	19.178.285.295	34.375.911.464
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	110.848.286.767	14.552.862.617
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		315.663.212.070	151.050.124.237
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	308.744.133.812	148.527.179.781
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.26	6.919.078.258	2.522.944.456
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

1944
 TY
 AN
 SHIỆP
 F
 IAM
 IỐ CH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 20
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.582.954.387.817	1.454.818.471.466
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.582.954.387.817	1.454.818.471.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.435.200.000.000	780.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.435.200.000.000	780.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	279.844.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.710.371.053	387.323.307.977
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.967.807.977	65.602.860.188
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		127.742.563.076	321.720.447.789
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.044.016.764	7.650.663.489
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.856.114.100.848	5.457.246.010.443

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Huỳnh Thanh Mai

Ngô Cao Cường

Bùi Hương Giang



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Quý 2/2022	Quý 2/2021	Lũy kế 6 tháng năm 2022	Lũy kế 6 tháng năm 2021
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.625.834.312.443	2.766.168.847.223	3.165.164.160.551	5.251.315.245.083
2	2. Các khoản giảm trừ	(598.753.482)	-	(936.825.082)	(111.350.061)
10	3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	1.625.235.558.961	2.766.168.847.223	3.164.227.335.469	5.251.203.895.022
11	4. Giá vốn hàng bán	(1.559.269.877.679)	(2.623.798.259.270)	(2.957.150.263.607)	(4.975.151.068.758)
20	5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	65.965.681.282	142.370.587.953	207.077.071.862	276.052.826.264
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.441.427.529	472.005.604	2.740.744.022	732.203.170
22	7. Chi phí tài chính	9.286.382.570	(2.500.206.407)	5.014.514.296	(4.422.213.980)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				(4.422.213.980)
24	8. Lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết, liên doanh	(103.860.193)	(328.333.668)	(103.860.193)	(328.333.668)
25	9. Chi phí bán hàng	(16.201.180.445)	(3.187.534.697)	(25.981.720.331)	(4.849.907.482)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(18.895.937.412)	(5.294.972.482)	(38.742.259.374)	(22.022.429.950)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	42.492.513.331	131.531.546.303	150.004.490.282	245.162.144.354
31	12. Thu nhập khác	5.514.889.273	(3.910.939.876)	5.698.206.406	1.399.940.553
32	13. Chi phí khác	2.902.192.668	4.078.588.359	(570.847.077)	(397.187.458)
40	14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	8.417.081.941	167.648.483	5.127.359.329	1.002.753.095
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50.909.595.272	131.699.194.786	155.131.849.611	246.164.897.449
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(5.344.512.235)	(22.530.968.766)	(24.704.046.641)	(43.991.767.158)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(5.144.745.853)	(1.069.008.429)	(2.291.886.619)	(1.069.008.429)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	40.420.337.184	108.099.217.591	128.135.916.351	201.104.121.862
61	17. Lỗ sau thuế của công ty mẹ	40.031.118.888	108.112.253.320	127.742.563.076	201.117.157.591
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	389.218.296	(13.035.729)	393.353.275	(13.035.729)

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Huỳnh Thanh Mai

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Cao Cường



Ngày 30 tháng 07 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ II

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		6 tháng năm 2022	6 tháng năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	155.131.849.611	246.164.897.449
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	25.393.181.949	16.529.072.739
- Hoàn nhập các khoản dự phòng	03	(7.914.833.333)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.817.499.373)	(1.931.229.221)
- Chi phí lãi vay	06	2.789.639.135	4.422.213.980
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	163.582.337.989	265.184.954.947
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.380.379.511.840	(1.068.451.889.388)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(361.146.999.259)	(243.475.419.115)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.025.978.088.992)	1.413.367.263.481
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(177.040.655.229)	(42.650.391.070)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	65.097.500.000	(65.097.500.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.789.639.135)	(3.662.860.555)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(11.613.593.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.103.967.214	243.600.564.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(335.139.977.103)	(160.848.873.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	20.827.309.500	10.208.894.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.300.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.465.997.100)	(9.714.758.858)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	69.741.000.000	1.200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.726.170	1.088.199.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(283.225.938.533)	(153.066.537.740)



6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	261.727.698.181	50.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.215.320.000)	(21.012.029.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	256.512.378.181	28.987.971.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15.390.406.862	119.521.997.760
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	290.885.247.960	68.075.924.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	306.275.654.822	187.597.922.500

Người lập biểu

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai

Kế toán trưởng

Ngô Cao Cường

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2022

Tổng Giám đốc



Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ,
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...
+ Chăn nuôi hỗn hợp
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng
- Danh sách các công ty con được hợp nhất Công ty con**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Thửa đất 5,6,7,8, tờ bản đồ 109 xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,40%	99,40%

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hinh	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	Lô B1 KCN Minh Hưng - Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%

6. Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Số 2, đường 8A, khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh, bán lẻ	21,00%	21,00%

7. Công ty liên doanh không được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited	Plot No. B-1,2,3,4,65,66,67,68, Kwin No. 511-Kha and 519-Ka, Nyaung Napin Tract, Vegetable Production and Chicken Livestock Special Zone-1, Hmawbi Township, Yangon, Myanmar	Chăn nuôi	9,29%	9,29%

Lý do không Hợp nhất: Do Công ty Myanmar BAF Joint Venture Company Limited đang trong giai đoạn đầu tư.

8. Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST : 0107795944-003
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Cụm công nghiệp Bích Hòa, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội MST : 0107795944-004
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Đồng Nai (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tổ 5, Đường Hồ Xuân Hương, Khu phố 6, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST : 0107795944-005
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Bà Rịa Vũng Tàu (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Đường 2A, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam MST : 0107795944-006
Địa điểm kinh doanh Vĩnh Phúc 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Nhật Chiêu 7, xã Châu Liêm, Yên Lạc, Vĩnh Phúc MST : 0107795944-002
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng, Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam MST : 0107795944-003
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 2 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Đông Thuận, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST : 0107795944-004
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn 3, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST : 0107795944-005
Địa điểm kinh doanh Bình Phước - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam MST : 0107795944-007
Địa điểm kinh doanh Bình Dương - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 8, đường Hiếu Liêm 20, ấp cây Dâu, xã Hiếu Liêm, Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam MST : 0107795944-008

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
 - Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm	-	Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm	X	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng
-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Heo nọc, Heo nái

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ

Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các Công ty con hoạt động Trang trại chăn nuôi heo. Thời gian phân bổ theo thời gian sử dụng đất đã được phê duyệt trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác (Heo)	04

11. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Sàn văn phòng	50

12. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
 - Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
 - Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố..

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty là Thuế áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	2.292.239.268	5.106.990.230
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	247.433.415.554	260.528.257.730
Các khoản tương đương tiền	56.550.000.000	25.250.000.000
Cộng	306.275.654.822	290.885.247.960

2. Đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán Kinh doanh	-	-	-	65.097.500.000	(7.914.833.333)	57.182.666.667
Công ty cổ phần Càng Quảng Ninh (1)	-	-	-	65.097.500.000	(7.914.833.333)	57.182.666.667
Cộng	-	-	-	65.097.500.000	(7.914.833.333)	57.182.666.667

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	43.530.416.281	-	63.274.638.996	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	28.546.591.387	-	28.650.451.580	-
Myanmar Baf Joint Venture Company Limited (1)	14.983.824.894	-	34.624.187.416	-
Cộng	43.530.416.281	-	63.274.638.996	-

(1) Khoản góp vốn liên doanh với Myanmar BAF Feed Farm Food Co., Ltd và Viet Agro Pte Ltd để thành lập công ty liên doanh MYANMAR BAF JOINT VENTURE COMPANY LIMITED. Theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đăng ký điều chỉnh lần thứ 01 số 201800466 ngày 13/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đầu tư ra nước ngoài với số tiền 2.246.800 USD, trong đó: bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD; và bằng hàng hóa: 1.600.000 USD. Đến nay, Công ty đã đầu tư tổng số vốn là: 646.799,3 USD, trong đó bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD. Tương ứng với tỷ lệ góp vốn đến thời điểm này là 9,29%.

(*) Đối với hình thức góp vốn bằng hàng hóa: Do thay đổi quy định về chính sách góp vốn của pháp luật nước sở tại cho nên phần góp vốn bằng hàng hóa trị giá : 847.899 USD tương đương 34.624.187.416 VND sẽ không được ghi nhận là khoản góp vốn liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	63.489.805.433	11.175.437.524
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	35.921.755.120	10.699.655.474
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	27.568.050.313	475.782.050
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	948.917.720.272	2.703.584.499.556
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	-	168.638.877.414
Công ty TNHH KD TM và PT DV Sơn La	199.262.788.580	530.954.129.580
Công ty Cổ phần Nông sản Sông Lam	-	180.494.000.000
Công ty TNHH Thương mại Nông Lâm Vạn Thành Long	-	292.090.463.228
Công ty Cổ phần Thăng Hoa	-	101.704.750.360
Công ty TNHH Nông Nghiệp T&T	-	34.565.718.560
Công Ty Cổ Phần Việt Phi	-	83.068.554.050
Công ty Cổ phần OTE Group	117.422.891.900	332.222.891.900
Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân	-	81.687.152.238
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	-	239.639.200.255
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh Nhật Tân	-	38.689.484.879
Công ty Cổ phần Nông sản BenLin	138.203.520.000	-
Công ty Cổ phần Càng Rau quả	-	83.790.769.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Rau quả I	-	34.781.735.800
Các khách hàng khác	494.028.519.792	501.256.772.292
Cộng	1.012.407.525.705	2.714.759.937.080

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>471.679.648.219</i>	<i>115.690.518.984</i>
Công ty Cổ phần Nông sản Bờ Biển Ngà	55.914.334.000	-
Công ty Cổ phần Hum	92.537.958.900	-
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	107.983.636.320	-
Ông Phạm Hùng Thắng	15.000.000.000	-
GENESUS, INC.	8.249.835.474	8.249.835.474
Công ty TNHH TV TKXD Thành Huy	511.553.749	214.793.915
Công ty TNHH Kỹ Thuật XD Thành An	1.414.650.000	1.414.650.000
Công ty TNHH PIGTEK Việt Nam	16.514.838.428	9.056.084.706
Công ty TNHH DV TM Hoàng Trường	-	1.715.000.000
Công ty TNHH WILMAR MARKETING CLV	51.417.050	2.837.848.400
Công ty TNHH TM DV Tân Hữu Qui	8.000.000	1.396.500.000
BANARSI DAS&SONS	1.264.859.728	1.264.859.728
NALINAKSHA AGRO PRODUCTSPVTLTD	-	2.117.645.179
ANHUI HUAHENG BIOTECHNOLOGY	-	1.155.207.600
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao SyBa	101.157.504.781	25.845.459.974
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô Thị Sông Hồng	21.759.196.838	23.751.499.500
Trả trước tiền thuê đất KCN Nhơn Hòa	-	9.274.303.500
Các nhà cung cấp khác	49.311.862.951	27.396.831.008
Cộng	471.679.648.219	115.690.518.984

5. Phải thu về cho vay**b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà	2.512.570.945	-	3.587.177.317	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh	392.681.483	-	756.669.707	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Sơn Thụ	2.900.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hối	1.931.263.533	-	2.791.962.232	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn	3.500.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội	825.000.000	-	975.000.000	-
Cộng	17.361.515.961	-	17.110.809.256	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>81.824.134.232</i>	-	<i>19.255.131.513</i>	-
Tạm ứng thành viên Ban dự án	62.183.771.710	-	19.255.131.513	-
Phải thu khác	19.640.362.522	-	-	-
<i>Myanmar Baf Joint Venture Company Limited</i>	<i>19.640.362.522</i>	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.320.526.924</i>	-	<i>13.627.174.323</i>	-
Tiền lãi cho vay	24.394.521	-	1.199.945.205	-
Tạm ứng	2.705.098.199	-	1.815.376.827	-
Đặt cọc	2.600.000	-	2.600.000	-
Ký cược ký quỹ	26.760.000	-	26.760.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.561.674.204	-	10.582.492.291	-
Cộng	98.144.661.156	-	32.882.305.836	-

(*) Khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Đức Thắng – Nhân viên ban dự án để đảm phán và nhận chuyển nhượng vốn góp từ các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn. Số tiền tạm ứng là 62.183.771.710 VNĐ. Dự kiến trong năm 2022, Công ty sẽ hoàn tất việc nhận chuyển nhượng trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc tiền thuê trại	62.970.000.000	-	62.970.000.000	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội	13.440.000.000	-	13.440.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hợi	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn	8.640.000.000	-	8.640.000.000	-
Bà Mai Thị Thuốc	6.030.000.000	-	6.030.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Hương	3.300.000.000	-	3.300.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	16.380.000.000	-	16.380.000.000	-
Phải thu khác	2.560.000.000	-	2.560.000.000	-
Cộng	81.910.000.000	-	81.910.000.000	-

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	979.990.290	-	480.336.476	-
Nguyên liệu, vật liệu	51.148.425.671	-	35.261.660.780	-
Công cụ, dụng cụ	6.977.188.568	-	5.330.135.784	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	587.390.043.912	-	613.989.745.563	-
Thành phẩm	8.519.836.340	-	9.042.895.226	-
Hàng hóa	793.849.672.593	-	423.613.384.286	-
Cộng	1.448.865.157.374	-	1.087.718.158.115	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ.

b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ

9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	<u>6 tháng 2022</u>	<u>6 tháng 2021</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.260.701.364	3.843.138.965
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	813.408.376
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	<u>232.827.369</u>	<u>395.845.977</u>
Cộng	<u>4.027.873.995</u>	<u>4.260.701.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	264.219.852.022	129.317.783.515	21.072.443.634	1.830.626.747	31.325.452.069	447.766.157.987
Tăng tài sản cố định từ Xây dựng cơ bản	153.367.137.998	56.531.400.352	-	-	-	209.898.538.350
Mua sắm mới trong năm	9.653.745.185	5.588.433.597	-	1.935.048.082	-	17.177.226.864
Tăng trong năm do chuyển Heco thành TSCĐ từ Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	2.171.579.109	2.171.579.109
Giảm trong năm	(3.120.786.377)	(2.009.638.224)	-	-	(15.772.272.314)	(20.902.696.915)
PHân loại lại	19.671.682.742	(48.503.714.018)	-	397.185.900	-	(28.434.845.376)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	443.791.631.570	140.924.265.222	21.072.443.634	4.162.860.729	17.724.758.864	627.675.960.019
<i>Trong đó</i>						
<i>Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng</i>	154.526.149	733.000.000	-	-	-	887.526.149
Giá trị hao mòn						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	47.202.156.864	23.644.701.320	5.909.964.009	684.362.447	10.770.725.066	88.211.909.706
Khấu hao trong kỳ	15.362.365.628	4.155.149.633	1.391.656.283	302.194.255	3.175.762.489	24.387.128.288
Giảm trong năm	(2.314.516)	(35.370.337)	-	-	(7.148.680.242)	(7.186.365.095)
Phân loại lại	3.998.244.947	(7.196.832.010)	-	265.159.996	-	(2.933.427.067)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	66.560.452.923	20.567.648.606	7.301.620.292	1.251.716.698	6.797.807.313	102.479.245.832
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	217.017.695.158	105.673.082.195	15.162.479.625	1.146.264.300	20.554.727.003	359.554.248.281
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	377.231.178.647	120.356.616.616	13.770.823.342	2.911.144.031	10.926.951.551	525.196.714.187

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 142.842.074.848 VND và 113.071.324.932 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP Á Châu.

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	180.849.310.000	33.000.000	1.320.716.000	182.203.026.000
Tăng trong năm do mua mới	-	-	1.220.000.000	1.220.000.000
Phân loại lại	20.668.685.376	-	7.766.160.000	28.434.845.376
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	201.517.995.376	33.000.000	10.306.876.000	211.857.871.376
<i>Trong đó</i>				
<i>Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng</i>				
	-	33.000.000	38.000.000	71.000.000
Giá trị hao mòn				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	27.683.343	325.138.217	587.930.960
Khấu hao trong năm	232.668.126	5.316.657	149.167.746	912.201.498
Phân loại lại	1.047.006.567	-	80.624.997	2.933.427.067
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.279.674.693	33.000.000	554.930.960	4.433.559.525
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	5.316.657	333.537.783	338.854.440
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	180.849.310.000	-	765.785.040	181.615.095.040

(*) Là các quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CM 602457 cấp ngày 22 tháng 03 năm 2019 tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ 136B Mai Chí Thọ, khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh; diện tích 933,8m²; với nguyên giá là 103.000.000.000 VND, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng lâu dài.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CC 789064 cấp ngày 02 tháng 03 năm 2016 tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ 135E Mai Chí Thọ, Khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh; diện tích 553,3m²; với nguyên giá 77.849.310.000 VND, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng lâu dài

Hai Bất động sản nêu trên được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	15.175.990.712	(263.074.030)	14.912.916.682
Tăng trong năm	-	(131.537.016)	(131.537.016)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	15.175.990.712	(394.611.046)	14.781.379.666

Bất động sản đầu tư của Công ty gồm:

+ Căn hộ chung cư số 1407, diện tích 172,2 m² tại Khu D, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 333969 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 14/11/2017, nguyên giá là 1.065.760.712 VND. Bất động sản này Công ty mua với mục đích chờ tăng giá để bán nên không khấu hao.

+ Bất động sản đầu tư là sàn văn phòng ô số 4, tầng 12A, diện tích 389.7 m² tại địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 505014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 07/02/2020, nguyên giá là 14.110.230.000 VND. Bất động sản này Công ty đã chuyển từ bất động sản chờ tăng giá sang cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	Giảm khác	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
Mua sắm tài sản cố định	5.794.566.626	99.757.762.048	(2.238.079.109)	(73.578.384.117)	(1.466.506.678)	28.269.358.770
Hèo nái tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF	2.920.525.643	6.613.125.416	(220.522.270)	(6.610.093.658)	(1.466.506.678)	1.236.528.453
Hèo nái tại Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	2.874.040.983	4.877.189.341	-	(6.121.756.499)	-	1.629.473.825
Hèo nái tại Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	78.159.311.531	(1.951.056.839)	(60.846.533.960)	-	15.361.720.732
Hèo nái tại Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	-	2.559.635.760	-	-	-	2.559.635.760
Máy ép	-	66.500.000	(66.500.000)	-	-	-
Mua 2 xe đầu kéo	-	4.040.000.000	-	-	-	4.040.000.000
Mua 2 rơ móc bồn nhôm	-	3.442.000.000	-	-	-	3.442.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242.407.401.165	177.466.730.601	(189.521.336.297)	(60.000.000)	(612.664.320)	229.680.131.149
Công trình An toàn sinh học	2.950.541.615	-	(2.950.541.615)	-	-	-
Công trình An toàn sinh học trại BT1	2.950.541.615	-	(2.950.541.615)	-	-	-
Chi phí dịch vụ giám sát bản vẽ	285.000.000	-	-	-	-	285.000.000
Thi công đường lùa heo và bãi quay đầu xe VT1	-	472.643.168	(472.643.168)	-	-	-
Cung cấp lắp đặt thiết bị và cài tạo máy móc cho NMTN	-	4.914.000.000	-	-	-	4.914.000.000
Đường lùa heo, đường đá từ trại bp1 qua bp2	-	1.537.945.937	-	-	-	1.537.945.937
Hợp đồng tham dò địa chất	-	201.407.040	-	-	-	201.407.040
Cài tạo trạm trung chuyển heo đầu tiếng theo HD:08/2022/baf-TH	-	6.017.395.880	-	-	-	6.017.395.880
Hợp đồng khoan giếng	-	115.000.000	-	-	-	115.000.000
Thi công Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý	-	607.415.814	-	-	-	607.415.814

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tại ngày 31		Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	Giảm khác	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
	tháng 12 năm 2021	tháng 12 năm 2022					
nước thải							
Công trình Lò Hơi BAF Tây Ninh	1.661.550.000	1.107.700.000	(2.769.250.000)	-	-	-	-
Nhà máy cảm	742.500.000	-	-	-	-	-	742.500.000
Hệ thống xử lý nước thải	2.637.884.846	785.454.546	(1.585.454.546)	-	-	-	1.837.884.846
Hệ thống xử lý nước thải trại THI	1.837.884.846	-	-	-	-	-	1.837.884.846
Hệ thống xử lý nước thải trại BTI	800.000.000	785.454.546	(1.585.454.546)	-	-	-	-
Hệ thống nguồn Silo	41.201.000	-	(41.201.000)	-	-	-	-
Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại VT1	29.707.000	-	(29.707.000)	-	-	-	-
Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại BPI	11.494.000	-	(11.494.000)	-	-	-	-
Nhà xưởng tại Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	1.840.000.000	3.247.225.039	(4.366.959.246)	-	-	-	720.265.793
Nhà xưởng tại Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	427.776.650	6.216.693.321	-	-	-	-	6.644.469.971
Nhà xưởng tại Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	108.208.500	393.452.350	-	-	-	-	501.660.850
Nhà xưởng tại Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	3.060.000.000	-	-	(60.000.000)	-	-	3.000.000.000
Nhà xưởng tại Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	202.852.500	13.738.468.015	-	-	-	-	13.941.320.515
Nhà xưởng tại Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	-	202.200.000	-	-	-	-	202.200.000
Nhà xưởng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	80.053.044.670	87.169.660.388	-	-	-	-	167.222.705.058
Nhà xưởng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	-	258.219.900	-	-	-	-	258.219.900
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	6.083.672.133	-	-	-	-	(612.664.320)	5.471.007.813

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	Giảm khác	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
<i>Hệ thống xử lý nước thải</i>	2.459.417.648	-	-	-	-	2.459.417.648
<i>Hệ thống silo và đường tải cám</i>	247.650.000	-	-	-	(247.650.000)	-
<i>Xây dựng hệ thống trang trại lợn</i>	3.376.604.485	-	-	-	(365.014.320)	3.011.590.165
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	142.313.169.251	50.481.849.203	(177.335.286.722)	-	-	15.459.731.732
<i>Thi công xây dựng trang trại nuôi heo nái sinh sản Anh Vũ</i>	112.947.276.431	43.714.693.564	(143.485.561.823)	-	-	13.176.408.172
<i>Mua sắm máy móc thiết bị</i>	29.365.892.820	6.767.155.639	(33.849.724.899)	-	-	2.283.323.560
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	454.472.800	-	-	-	454.472.800
Sửa chữa, cải tạo lò Minh Hiền	-	454.472.800	-	-	-	454.472.800
Cộng	248.201.967.791	277.678.965.449	(191.759.415.406)	(73.638.384.117)	(2.079.170.998)	258.403.962.719

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	2.679.755.378.276	3.774.329.848.165
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	-	608.016.363.680
Công ty cổ phần CHIPSGOOD - VEGETEXCO	144.844.078.160	287.535.418.940
Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	140.595.739.960	803.555.401.736
Công ty Cổ phần Nông sản Caivi Việt Nam	-	8.834.929.100
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp An Điền	217.385.422.200	7.016.077.453
Công ty Cổ phần Otran Logistics	71.515.617.400	286.315.617.400
Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân	628.204.052.250	-
Công ty TNHH SX TM DV Sơn Hưng	43.845.156.840	198.845.156.840
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai	-	113.489.425.280
Công ty Cổ phần Hum	37.245.917.750	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng KCN Nhơn Hòa	21.596.277.780	-
Công ty Cổ phần Nông sản MOGB Quốc Tế	251.109.058.773	617.171.520.673
Công ty Cổ phần Nông sản TZAN Quốc Tế	862.743.844.100	438.557.808.100
Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông lâm sản Thái Nguyên	78.018.229.460	296.962.674.460
Các nhà cung cấp khác	182.651.983.603	108.029.454.503
Cộng	<u>2.679.755.378.276</u>	<u>3.774.329.848.165</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	94.500.331.195	1.446.549.834
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bảo Lâm	62.723.236.500	-
Công ty Cổ phần Kho vận An Phú	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi BGF	-	150.000.000
Phạm Hoàng Dạ Thảo	278.074.684	275.784.000
Nguyễn Duy Huân	-	528.664.009
Lê Hồng Quyên	2.589.150	150.000.250
Các khách hàng khác	11.496.430.861	342.101.575
Cộng	<u>94.500.331.195</u>	<u>1.446.549.834</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		Phát sinh trong năm		Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	34.590.909	53.755.185	134.636.040	(70.727.272)	98.499.677	53.755.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.357.962.361	-	24.704.046.641	-	39.062.009.002	-
Thuế thu nhập cá nhân	130.033.980	-	877.902.445	(730.821.063)	277.115.362	-
Thuế nhà đất	-	-	5.509.080	(5.509.080)	-	-
Cộng	14.522.587.250	53.755.185	25.722.094.206	(807.057.415)	39.437.624.041	53.755.185

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, đối với các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí khác	3.629.908.235	2.548.750.000
Cộng	3.629.908.235	2.548.750.000

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bảo hiểm xã hội	-	822.508.830
Bảo hiểm y tế	2.174.764.940	-
Bảo hiểm thất nghiệp	690.056.475	483.684.945
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	653.445.205	653.445.205
Phải trả tiền mua Vật tư, hàng hóa chưa Hóa đơn	9.536.993.726	23.369.290.733
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng (CSH Công ty Nam An Khánh)	934.002.900	4.600.000.000
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Hoàng Văn Định (CSH Công ty Bảo Ngọc)	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.189.022.049	1.446.981.751
Cộng	19.178.285.295	34.375.911.464

19. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	101.510.744.150	101.510.744.150	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam-CN Bắc Hà</i>	<i>96.572.744.150</i>	<i>96.572.744.150</i>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM- CN Tiền Giang</i>	<i>4.938.000.000</i>	<i>4.938.000.000</i>	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.337.542.617	9.337.542.617	14.552.862.617	14.552.862.617
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang</i>	<i>1.322.000.000</i>	<i>1.322.000.000</i>	<i>2.594.000.000</i>	<i>2.594.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i>	<i>3.943.320.000</i>	<i>3.943.320.000</i>	<i>7.886.640.000</i>	<i>7.886.640.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh</i>	<i>4.072.222.617</i>	<i>4.072.222.617</i>	<i>4.072.222.617</i>	<i>4.072.222.617</i>
Cộng	110.848.286.767	110.848.286.767	14.552.862.617	14.552.862.617

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	101.510.744.150	-	-	101.510.744.150
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam- CN Bắc Hà(1)	-	96.572.744.150	-	-	96.572.744.150
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM- CN Tiền Giang(2)	14.552.862.617	4.938.000.000	-	-	4.938.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	(5.215.320.000)	9.337.542.617
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	2.594.000.000	-	-	(1.272.000.000)	1.322.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	7.886.640.000	-	-	(3.943.320.000)	3.943.320.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	4.072.222.617	-	-	-	4.072.222.617
Cộng	14.552.862.617	101.510.744.150	-	(5.215.320.000)	110.848.286.767

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	308.744.133.812	308.744.133.812	148.527.179.781	148.527.179.781
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang - Khoản vay của Công ty Bảo Ngọc	24.701.220.959	24.701.220.959	24.701.220.959	24.701.220.959
Ngân hàng TMCP Á Châu - khoản vay của Công ty Minh Thành	28.807.431.000	28.807.431.000	28.807.431.000	28.807.431.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Khoản vay của Công ty Anh Vũ Phú Yên	145.587.317.722	145.587.317.722	95.018.527.822	95.018.527.822
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Khoản vay của Công ty Trang trại xanh 1	109.648.164.131	109.648.164.131		
Cộng	308.744.133.812	308.744.133.812	148.527.179.781	148.527.179.781

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		Số tiền vay phát sinh trong năm		Số tiền vay đã trả trong năm		Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn		Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	148.527.179.781	160.216.954.031	160.216.954.031	-	-	-	-	24.701.220.959	28.807.431.000	145.587.317.722
Vay dài hạn ngân hàng										
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang - Khoản vay của Công ty Bảo Ngọc	24.701.220.959									
Ngân hàng TMCP Á Châu - khoản vay của Công ty Minh Thành	28.807.431.000									
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Khoản vay của Công ty Anh Vũ Phú Yên	95.018.527.822	50.568.789.900								
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Khoản vay của Công ty Trang trại xanh 1	148.527.179.781	160.216.954.031								
Cộng	148.527.179.781	160.216.954.031	160.216.954.031	-	-	-	-	24.701.220.959	28.807.431.000	145.587.317.722

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	65.588.418.869	-	565.588.418.869
Tăng vốn trong kỳ trước bảng tiền	279.844.500.000	-	7.620.000.000	567.464.500.000
Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	14.441.319	(39.890.775)	(25.449.456)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	321.720.447.789	70.554.264	321.791.002.053
Số dư cuối kỳ trước	279.844.500.000	387.323.307.977	7.650.663.489	1.454.818.471.466
Số dư đầu năm nay	279.844.500.000	387.323.307.977	7.650.663.489	1.454.818.471.466
Tăng vốn trong năm bằng tiền (*)	(279.844.500.000)	(375.355.500.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	127.742.563.076	393.353.275	128.135.916.351
Số dư cuối kỳ này	-	139.710.371.053	8.044.016.764	1.582.954.387.817

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Tăng vốn theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam số 15.03.2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 03 năm 2022 về việc triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 780.000.000.000 đồng lên 1.435.200.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (351.000.000.000 đồng) và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu (304.200.000.000 đồng).

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ		Tỷ lệ
Bà Bùi Hương Giang	190.210.000.000	13,25%	103.375.000.000	13,25%
Ông Phan Ngọc Ân	91.172.000.000	6,35%	49.550.000.000	6,35%
Các cổ đông khác	1.153.818.000.000	80,39%	627.075.000.000	80,39%
Cộng	1.435.200.000.000	100%	780.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	143.520.000	78.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	143.520.000	78.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	143.520.000	78.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	143.520.000	78.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	143.520.000	78.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng 2022	6 tháng 2021
Doanh thu bán nông sản	2.347.856.403.000	4.963.286.142.754
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	815.526.848.461	287.634.556.874
Giá vốn Dịch vụ đã cung cấp	1.780.909.090	394.545.455
Cộng	3.165.164.160.551	5.251.315.245.083

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng 2022	6 tháng 2021
Giảm giá hàng bán	936.825.082	111.350.061
Cộng	936.825.082	111.350.061

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán	6 tháng 2022	6 tháng 2021
Giá vốn nông sản	2.275.006.051.516	4.818.284.537.057
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	680.462.160.894	155.559.180.722
Giá vốn Dịch vụ đã cung cấp	1.682.051.197	1.307.350.979
Cộng	2.957.150.263.607	4.975.151.068.758
4. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng 2022	6 tháng 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	512.062.519	627.713.408
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.819.823	2.008.084
Lãi chuyển nhượng Chứng khoán	2.040.483.025	-
Chiết khấu thanh toán	177.378.655	102.481.678
Cộng	2.740.744.022	732.203.170
5. Chi phí tài chính	6 tháng 2022	6 tháng 2021
Chi phí lãi vay	2.789.639.135	4.422.213.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.669.902	-
Phí bán chứng khoán	101.010.000	-
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(7.914.833.333)	-
Cộng	(5.014.514.296)	4.422.213.980
6. Chi phí bán hàng	6 tháng 2022	6 tháng 2021
Chi phí cho nhân viên	7.177.723.075	881.025.214
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	121.087.768	391.320.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	871.873.731	549.022.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.155.501.052	3.028.120.470
Các chi phí khác	1.655.534.705	419.000
Cộng	25.981.720.331	4.849.907.482
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng 2022	6 tháng 2021
Chi phí cho nhân viên	24.392.353.371	3.032.357.345
Chi phí vật liệu quản lý	85.647.361	11.195.421
Chi phí đồ dùng văn phòng	467.680.120	1.855.380.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.502.596.035	776.817.916
Thuế, phí và lệ phí	410.734.592	35.499.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.490.327.918	15.721.377.658
Các chi phí khác	5.160.092.608	385.970.303
Phân bổ lợi thế thương mại	232.827.369	203.831.399
Cộng	38.742.259.374	22.022.429.950

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý Tài sản Heo	5.427.019.373	1.303.515.813
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	-	26.350.691
Thu nhập khác	271.187.033	70.074.049
Cộng	<u>5.698.206.406</u>	<u>1.399.940.553</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	523.245.528	397.181.406
Chi phí khác	47.601.549	6.052
Cộng	<u>570.847.077</u>	<u>397.187.458</u>

Lập ngày 30 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huỳnh Thanh Mai

Ngô Cao Cường

Bùi Hương Giang